

Bản án số: 54/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26/09/2024.

V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA ĐÀN – TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Hà

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Thế Phương và ông Nguyễn Quốc Tú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Đàn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh- Kiểm sát viên

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Đàn.

Ngày 26 tháng 09 năm 2024, tại trụ sở TAND huyện Nghĩa Đàn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 131/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 06 năm 2024, về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 08 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 41/2024/QĐST-HNGĐ ngày 04/09/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị C, sinh năm 2000.

Địa chỉ: xóm T, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Có đơn xin xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Bùi Duy T, sinh năm 1997. Vắng mặt.

Địa chỉ: xóm Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản khai và đơn xin xử vắng mặt của chị Lê Thị C có nội dung sau: Chị Lê Thị C và anh Bùi Duy T là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An vào ngày 25/12/2020. Quá trình chung sống vợ chồng không được hạnh phúc do thường xảy ra mâu thuẫn và không có tiếng nói chung anh T thường hay chửi bới và đánh đập chị C. Do cuộc sống không hạnh phúc nên đã sống ly thân, vợ chồng ít gặp nhau và hầu như không quan tâm đến nhau trong cuộc sống cũng như tình cảm gia đình, hạnh phúc. Nay chị C xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và xin được ly hôn.

Về con cái: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là Bùi Duy Đức T1, sinh ngày 19/01/2021. Nếu ly hôn chị Lê Thị C xin được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: chị Lê Thị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh **Bùi Duy T** vắng mặt nhưng đã được Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Đàn tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như giấy triệu tập, thông báo hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà nhưng không có mặt để giải quyết vụ án do vậy căn Toà án căn cứ điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh **T** theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Đàn phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, thư ký và hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành quy định của pháp luật. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không có mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh **T**. Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu của chị **Lê Thị C** là cho chị **Lê Thị C** được ly hôn anh **Bùi Duy T**. Về con cái: giao con chung là cháu **Bùi Duy Đức T1**, sinh ngày 19/01/2021 cho chị **Lê Thị C** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh **T** do chị **C** không yêu cầu. Về tài sản: đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết: Xác định quan hệ tranh chấp giữa chị **Lê Thị C** và anh **Bùi Duy T** là “Ly hôn” thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân **huyện N** theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn: Nguyên đơn chị **Lê Thị C** có đơn xin xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xử vắng mặt chị **C**. Bị đơn anh **Bùi Duy T** đã được tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần tới phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điều 227 và điều 228 xử vắng mặt anh **Bùi Duy T**.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Lê Thị C** và anh **Bùi Duy T** là hôn nhân hợp pháp có đăng ký kết hôn tại **UBND UBND xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An** vào ngày 25/12/2020. Quá trình chung sống vợ chồng sống với nhau không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Hiện đã sống ly thân không còn quan tâm gặp gỡ nhau nữa. Nay chị **C** xét thấy không còn tình cảm với anh **T** và xin ly hôn. Nghĩ mâu thuẫn như vậy là trầm trọng kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được do vậy cần căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và

gia đình chấp nhận yêu cầu của chị **Lê Thị C** là cho chị **C** được ly hôn anh **Bùi Duy T**.

[3]. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung. Nay ly hôn chị **C** có nguyện vọng xin được nuôi con, không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy nguyện vọng của chị **C** là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần giao cháu **Bùi Duy Đức T1**, sinh ngày 19/01/2021 cho chị **C** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh **T** do chị **C** không yêu cầu.

[4]. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 229, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 điều 51, điều 56, điều 58, điều 81, điều 82, điều 83, điều 84 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị **Lê Thị C** được ly hôn anh **Bùi Duy T**.
2. Về nuôi con chung: giao cháu **Bùi Duy Đức T1**, sinh ngày 19/01/2021 cho chị **Lê Thị C** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến lúc cháu **T1** đủ 18 tuổi thành niên có khả năng lao động hoặc có tài sản riêng tự nuôi mình.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh **Bùi Duy T** do chị **Lê Thị C** không yêu cầu.

Anh **Bùi Duy T** có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật thì có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản: các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: chị **Lê Thị C** phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Chị **C** đã nộp đủ số tiền trên theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012347 ngày 04 tháng 06 năm 2024, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nghĩa Đàn.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- TAND tỉnh;
- UBND xã Nghĩa Lạc.
- Lưu hồ sơ vụ án;

Lê Viết Hà